TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 306/2018/DS-PT
Ngày: 28/12/2018
V/v Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái
Bà Hoàng Thị Thu Lan
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly, Thư ký Tòa án
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2018/TLPT-DS về việc "Tranh chấp chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 13/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 355/2018/QĐ-PT ngày 31/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2018/QĐPT-HPT ngày 19/11/2018; Thông báo mở lại phiên tòa số 1457/2018/TB-TA ngày 11/12/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ T.M, sinh năm 1955
Trú tại: Thôn L, xã K, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
Bị đơn: Bà Tạ T.C (chết ngày 07/10/2017)
Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn:
1. Anh Vũ V.T, sinh năm 1984
Trú tại: Thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
2. Chị Vũ T.H, sinh năm 1982
Trú tại: Thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
3. Chị Vũ T.H1, sinh năm 1977
Trú tại: Thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
4. Chị Vũ T.H2, sinh năm 1980
Trú tại: Xóm X, xã H, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Anh Vũ V.T, sinh năm 1984
2. Chị Nguyễn T, sinh năm 1989
3. Cháu Vũ T.Đ
4. Cháu Vũ Thị N.B

Cùng trú tại: Thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đ và cháu B là anh Vũ V.T và chị Nguyễn T.

5. Bà Vũ T.L, sinh năm 1945(chết ngày 28/5/2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà L là:

- Ông Nguyễn X.T, chồng bà L
- Anh Nguyễn T.D, sinh năm 1973, con bà L

Cùng trú tại: phường Đ, quận N.Q, thành phố Hải Phòng.

- Chị Nguyễn T.P, con bà L

Trú tại: phường L.N, quận H, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn T.H, con bà L

Trú tại: phố N, phường A, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn T.Th, sinh năm 1967, con bà L

Trú tại: tổ E1 C, H, thành phố Hải Phòng.

6. Bà Vũ T.L, sinh năm 1945

Trú tại: xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Vũ T.L và các thừa kế của bà Vũ T.L là bà Vũ T.M

7. Ông Nguyễn V.H, sinh năm 1968

8. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970

Cùng trú tại: Thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

9. Anh Nguyễn Q.T, sinh năm 1986

10. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1987

Cùng trú tại: Thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

11. Chị Vũ T.H, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

12. Chị Vũ T.H1, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

13. Chị Vũ T.H2, sinh năm 1980

Trú tại: Xóm X, xã H, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1947; trú tại: phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của bà Vũ T.M là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Vũ T.M trình bày: Cụ ông Vũ V.B sinh năm 1918 mất ngày 5.7.1975. Cụ Vũ T.D sinh năm 1918 mất năm 2005. Hai cụ có 4 người con:

1. Ông Vũ V.T sinh năm 1941 đã chết ngày 12.11.1996
2. Bà Vũ T.M, sinh năm 1955
3. Bà Vũ T.L, sinh năm 1945
4. Bà Vũ T.L, sinh năm 1960

Cụ Vũ V.B không có người vợ nào khác, không có con riêng. Hai cụ không có con nuôi.

Ông Vũ V.T có vợ Tạ Thị C sinh năm 1943, chết ngày 17.10.2017.

Ông T và bà C có 4 người con:

1. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977
2. Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1980
3. Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1982
4. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984

Về tài sản nhà ở, đất ở: Khi còn sống và sau khi chết cụ B và cụ D có để lại các tài sản gồm: 1 nhà gỗ 3 gian, 2 gian bếp, bể đựng nước mưa, tường bao xung quanh nằm trên thửa đất có diện tích 810m^2 mang số thửa 19 tờ bản đồ số 8 địa chỉ thửa đất tại thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội. Sau năm 2005 khi cụ D chết bà Tạ Thị C và con Vũ Văn T đã phá bỏ gần hết các tài sản trên chỉ còn lại phần móng tường bao nằm dưới mặt đất. Trên đất hiện có một ngôi nhà tạm dùng làm nơi thờ Thành Hoàng Làng do bà M xây dựng.

Ngày 7.9.2003 gia đình gồm cụ Vũ T.D cùng các con họp để phân chia di sản là nhà và đất với nội dung tách thửa đất làm hai phần: phần thứ nhất từ sân trở về sau nhà ông C để nguyên không ai được sở hữu, phần thứ hai chia làm 5 phần bằng nhau cho 5 người là bà Vũ Thị D, bà Tạ Thị C hưởng thay chồng là Vũ V.Tđã chết; bà Vũ Thị L, bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L1. Tuy nhiên, sau khi cụ Vũ T.Dchết thì bà C đã bán 230m^2 đất cho ông Nguyễn V.H. Ngoài ra cụ B và cụ D không để lại di chúc nào khác.

Quá trình sử dụng đất bà C không có đóng góp, đầu tư bất kỳ thứ gì trên đất, không trồng bất kỳ cây gì trên đất đang tranh chấp.

Bà M không đồng ý việc bà C bán đất vi phạm văn bản thỏa thuận của gia đình nên khởi kiện yêu cầu chia thừa kế.

- Về đất nông nghiệp: Cụ B chết những năm 70 không được cấp đất nông nghiệp. Cụ D có được cấp đất nông nghiệp hay không bà không biết và cũng không có yêu cầu chia quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Yêu cầu chia thừa kế của bà M: Biên bản họp gia đình ngày 7.9.2003 không có giá trị pháp lý nên không thực hiện phân chia theo văn bản đó. Đối với tài sản do các cụ để lại nhưng đã đã bị phá không còn cũng như móng tường rào còn lại bà C coi giá trị bằng không đồng và không yêu cầu chia tài sản là các công trình có trên đất ở.

Về đất: Khi khởi kiện bà yêu cầu chia 810m^2 nhưng qua đo đạc kiểm tra hiện trạng, diện tích của toàn bộ thửa đất là 869,4m^2 nên bà M đề nghị phân chia theo pháp luật di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 869,4m^2.

Bà M đề nghị chia cho bà, bà L, bà L1 mỗi chị em một miếng hoặc miếng to theo kỷ phần mình được hưởng.

Phần nhà tạm dùng để thờ Thành Hoàng Làng nếu Tòa án chia đất mà nó nằm trong phần đất của ai được chia thì bà M cho phần công trình đó mà không yêu cầu đền bù.

Đối với diện tích đất nông nghiệp của cụ Dụt: Bà và các bà Vũ Thị L1, Vũ Thị L không yêu cầu giải quyết đưa vào phân chia. Nếu có quyền sử dụng đất nông nghiệp thì cho cháu Vũ Văn T.

Đối với diện tích đất anh Vũ Văn T đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa hai bên bị vô hiệu, yêu cầu ông H phải trả cho các bà để giải quyết chia thừa kế. Buộc anh T phải hoàn trả số tiền đã nhận của ông H.

***Bị đơn Bà Tạ Thị C trình bày*:** Chồng của bà L1 ông Vũ Văn T. Hai vợ chồng sinh được 4 người con gồm chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H1, chị Vũ Thị H2 và anh Vũ Văn T.

Hiện nay hai chị H và H1 ở bên Trung Quốc nhưng không biết địa chỉ của hai chị ở đâu.

Cụ Vũ V.B chết năm 1966, cụ Vũ T.D chết năm 2004, ông Vũ V.Tchết năm 1996. Khi ông T chết bà L1 người chăm sóc mẹ chồng và quản lý toàn bộ tài sản đất đai nhà cửa. Trước khi chết, cụ Dcó tuyên bố cho bà và các con của bà và ông T toàn bộ tài sản nhà đất. Đối với các con gái là bà L1, bà L, bà M đã đi lấy chồng thì không được gì.

Quá trình sử dụng đất bà và anh T đã bán đi 230m^2 đất cho ông Nguyễn V.H. Hiện nay đất chưa được làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà và anh T đã dùng số tiền bán đất để xây dựng căn nhà 2 tầng vào năm 2013.

Bà không đồng ý chia thừa kế vì bà L1 người trực tiếp trông nom chăm sóc bố mẹ già, mồ mả của tổ tiên.

Đối với các công trình tài sản do Cụ B, cụ Dđể lại hiện nay không còn gì nữa. Các công trình tường bao sân gạch, lán tạm đều do chị Th anh T xây dựng nên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Vũ Thị L trình bày:* Cụ Vũ Thị B và cụ Vũ T.Dlà bố mẹ đẻ của bà. Bà Tạ Thị C là chị dâu; ông Vũ V.Tlà anh trai; bà Vũ Thị L, Vũ T.M là em gái. Bố, mẹ và anh trai Vũ V.T đều đã chết.

Di sản cụ B và cụ D để lại là 01 mảnh đất có diện tích 810m^2 và 3 gian nhà gỗ xoan móng gạch, tường gạch xây xung quanh, mái ngói, 2 gian bếp lợp ngói to xung quanh xây gạch và 1 bể nước mưa nằm tại thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội.

Bà L xác nhận có kí vào Biên bản họp gia đình ngày 7.9.2003. Bà L không biết việc chuyển nhượng 230m^2 đất do các cụ để lại cho ông H và bà M. Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu Tòa án chia thừa kế cho bà thì bà xin nhận bằng tiền mặt.

- *Bà Vũ Thị L trình bày:* Cụ Vũ Thị B và cụ Vũ T.Dlà bố, mẹ đẻ của bà. Bà Tạ Thị C là chị dâu; ông Vũ V.Tlà anh trai; bà Vũ Thị L, Vũ T.M là em gái. Cụ B chết năm 1975; cụ Dchết ngày 17.7 âm lịch năm 2004; anh Vũ V.Tchết năm 1996. Cụ B và cụ D không có con riêng.

Về địa chỉ nơi ở của cháu H và cháu H1 bà không biết.

Về tài sản: Di sản cụ B và cụ D để lại là 1 mảnh đất có diện tích 810m^2 và 3 gian nhà gỗ xoan móng gạch, tường gạch xây xung quanh, mái ngói, 2 gian bếp lợp ngói to xung quanh xây gạch và 1 bể nước mưa nằm tại thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội. Tuy nhiên không rõ diện tích của từng công trình và không biết đất mang số thửa bao nhiêu, tờ bản đồ nào của xã L, Gia Lâm, Hà Nội. Ngoài diện

tích đất trên các cụ không còn quyền sử dụng đất nào khác.

Trong quá trình sinh sống trên đất bà không có đóng góp công sức xây dựng đối với tài sản và tôn tạo đất.Bà có biết việc bán đất cho ông H và bà Mnhưng không rõ cụ thể việc mua bán.

Khi Cụ B chết không có di chúc. Cụ Dchết có để lại Biên bản họp gia đình. Bà đề nghị chia di sản theo đúng như Biên bản họp gia đình ngày 7.9.2003

- *Anh Vũ Văn T trình bày:* Anh là người hiện nay đang quản lý sử dụng thửa đất. Anh không biết ông bà nội anh có để lại di chúc hay không. Hiện nay toàn bộ tài sản có trên đất là tài sản do vợ chồng anh xây dựng. Tài sản của bố mẹ anh hiện nay xây dựng đã không còn, chỉ còn lại duy nhất cây mít.

Tài sản trên đất của vợ chồng anh gồm có: Nhà 2 tầng xây dựng năm 2013 rộng 85m^2; một nhà cấp 4 lợp mái Proximăng xây dựng năm 2007; công trình phụ chăn nuôi và tường bao quanh vườn làm năm 2013. Diện tích đất hiện nay đang sử dụng trong thời gian quản lý bố mẹ anh đã đổ đất tôn tạo lên cao khoảng 6-7m. Việc đổ đất cả 3 chị gái của anh cũng tham gia.

Về ngôi nhà tạm làm nơi thờ Thành Hoàng Làng như hiện nay đây là công trình do bà M xây dựng nhưng bị xuống cấp nên tháng 5.2016 anh đã bỏ tiền ra thay mái Proximăng bằng mái ngói và lát nên bằng gạch đỏ Hạ Long, lắp cửa sắt và chát những chỗ bị dóc vữa. Trường hợp chia đất cho bà M vào phần đất có ngôi nhà thờ nêu trên anh không yêu cầu thanh toán giá trị anh đã đầu tư cải tạo. Ngược lại nếu anh được chia vào phần đất trên anh sẽ thanh toán cho bà M phần giá trị bà M đã đầu tư xây dưng.

Đối với chị Vũ Thị H và Vũ Thị H1 hiện anh không biết địa chỉ nơi ở của họ ở đâu chỉ biết là đã đi Trung Quốc nhưng đã lâu không biết tin tức của họ.

Năm 2012, anh và mẹ đẻ là bà Tạ Thị C đã chuyển nhượng 230m^2 đất (Không có công trình gì trên phần đất này cho ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M với giá 4.000.000 đồng/m^2 hai bên lập hợp đồng viết tay không có công chứng chứng thực). Hai bên đã bàn giao đất, mốc giới. Năm 2014 ông H đã xây dựng nhà tạm và xây tường bao trên phần đất của mình.

- *Chị Vũ Thị H2 trình bày:* Chị là cháu nội của cụ B và cụ D, là con của ông Vũ Văn T, cụ B và cụ D chết khi nào chị không biết. Bố chị chết năm 1996. Chị không thấy ai để lại di chúc. Cụ B, cụ D có 4 người con là ông T, bà M, bà L, bà L1. Bố, mẹ chị có 4 người con là chị, chị H, chị H1 và anh T. Khi cụ Dvà Cụ B còn sống có 5 gian nhà vách đất trên diện tích khoảng 810m^2. Trước khi hai cụ chết bố mẹ chị đã phá bỏ 5 gian nhà và xây dựng 3 gian nhà gỗ, 2 gian bếp, và một số công trình khác. Ông, bà nội của chị khi chết đi chỉ để lại diện tích đất đang sử dụng như hiện nay.

Chị đi lấy chồng từ năm 1998 không có đóng góp gì trên đất.

Về Biên bản họp gia đình ngày 7.9.2003 của gia đình chị có ý kiến là không đúng vì ông nội chị đã nói cho bố mẹ của chị đất và đây là lần đầu tiên chị được thấy Biên bản họp gia đình.

Năm 2013 mẹ chị bà C bán đất cho ông H, chị không được hưởng lợi gì nhưng nhất trí với việc bán đất.

Đối với chị H và chị H1 nhiều năm chị không có liên lạc nên không biết hiện họ ở đâu.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà M chị xin được nhận bằng hiện vật và nH2 lại phần được hưởng cho bà C.Chị xin được giải quyết và xét xử vắng mặt.

- *Chị Nguyễn Thị Th vợ anh T không có bản ghi ý kiến và bản tự khai.*

- *Ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M trình bày:* Ngày 16.4.2012, ông H và vợ Nguyễn Thị M đã mua 230m^2 đất của bà Tạ Thị C và con trai Vũ Văn T có kích thước 10mx23m thuộc thửa đất do bà C và anh T đang sử dụng. Hai bên có lập giấy tờ viết tay và có kí xác nhận. Số tiền ghi trên hợp đồng là 3,5 triệu đồng/m^2 nhưng thực tế chuyển nhượng là 4 triệu đồng/m^2. Ngày 16.4.2012 giao 200.000.000 đồng; ngày 16.7.2012 giao 500.000.000 đồng, ngày 15.9.2013 giao 220.000.000 đồng.Tất cả số tiền trên khi giao đều có giấy biên nhận tiền. Sau khi nhận đất đã xây dựng nhà tạm mái tôn, xây tường bao phía sau phần đất chuyển nhượng và một bể Biogas có thể tích 12m^3.

- *Anh Nguyễn Q.T, và chị Vũ Thị T trình bày*: Vợ chồng anh chị có thuê nhà của anh Vũ Văn T từ tháng 3 năm 2013. Anh T và chị Thcó quan hệ họ hàng nên việc thuê nhà không làm hợp đồng, không có thời hạn, giá thuê là 6 triệu đồng/năm. Vợ chồng anh chị có xây 1 nhà vệ sinh không có bể phốt tự tiêu ra hồ, đầu tư một số hạng mục nhỏ trong nhà như ốp gạch bếp, vách ngăn tường làm phòng ngủ nhưng giá trị không đáng kể. Anh Tr và chị Thcó ý kiến sẽ bàn giao tài sản và đất thuê khi Tòa án phân chia giao đất cho người khác không phải là bà C. Nếu chia cho bà C và các con của bà C thì vợ chồng anh chị và anh T sẽ bàn bạc thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Thxin được giải quyết vắng mặt.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 13/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ T.M về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là 869,4m^2 đất mang số thửa 19 tờ bản đồ số 8 bản đồ xã L, đo vẽ năm 1993-1994, địa chỉ thửa đất thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tạ Thị C, anh Vũ V.T với ông Nguyễn V.H, bà Nguyễn Thị M kí ngày 16.4.2012.

2. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tạ Thị C, anh Vũ V.T với ông Nguyễn V.H bà Nguyễn Thị M kí ngày 16.4.2012 về việc chuyển nhượng 230m^2 thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 bản đồ xã L, đo vẽ năm 1993-1994, địa chỉ thửa đất thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đo vẽ năm 1993-1994 bị vô hiệu.

3. Xác định 869,4m^2 đất mang số thửa 19 tờ bản đồ số 8 bản đồ xã L, đo vẽ năm 1993-1994, địa chỉ thửa đất thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và cụ Vũ T.Dđể lại.

4. Xác định diện và hàng thừa kế:

Cụ Vũ V.B và cụ Vũ T.Dchết không để lại di chúc nên di sản thừa kế đưa ra phân chia được phân chia theo quy định của pháp luật.

4.1. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ V.B gồm:

4.1.1. Cụ Vũ Thị D, sinh năm 1918, chết ngày 1.9.2004(dương lịch)

4.1 2. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1941 đã chết ngày 12.11.1996

4.1 3. Bà Vũ T.M, sinh năm 1955

4.1.4. Bà Vũ T.L, sinh năm 1945

4.1.5. Bà Vũ T.L, sinh năm 1960

4.2. Hàng thừa kế thứ nhất của Ông Vũ V.Tgồm:

4.2.1. Cụ Vũ Thị D, sinh năm 1918, chết năm 2004

4.2.2. Bà Tạ Thị C, sinh năm 1943, chết ngày 7.10.2017

4.2.3. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977

4.2.4. Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1980

4.2. 5. Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1982

4.2. 6. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984

4.3. Hàng thừa kế thứ nhất của Cụ Vũ T.Dgồm:

4.3.1. Ông Vũ V.T(ông T chết trước cụ Dnên chị Vũ Thị H, sinh năm 1977, chị Vũ Thị H2, sinh năm 1980, chị Vũ Thị H1, sinh năm 1982, anh Vũ Văn T, sinh năm 1984 là người thừa kế thế vị).

4.3. 2. Bà Vũ T.M, sinh năm 1955

4.3. 3. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1945

4.3. 4. Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1960

Về di sản phân chia:

Di sản đưa ra xem xét giải quyết phân chia là 869,4m^2 đất thuộc thửa số 19 tờ bản đồ số 8 Bản đồ xã L đo vẽ năm 1993-1994, địa chỉ thửa đất thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội có giá trị: 869,4m^2 x 5.000.000 đồng/m^2 = 4.X7.000.000 đồng.

Trích trả công sức tôn tạo cho vợ chồng ông Vũ Văn T, Bà Tạ Thị C và cụ Vũ T.Dbằng một suất thừa kế do cụ B để lại để lại. Trong đó, trích công sức tôn tạo của vợ chồng ông Vũ V.Tvà bà Tạ Thị C bằng 2/3 suất thừa kế, trích công sức tôn tạo cho cụ Vũ T.D bằng 1/3 suất thừa kế.

Trích trả công sức tôn tạo cho bà Tạ Thị C và anh Vũ Văn T bằng một suất thừa kế do cụ D để lại. Trong đó, trích công sức tôn tạo cho bà Tạ Thị C bằng 1/2 suất thừa kế, trích công sức tôn tạo cho anh Vũ Văn T bằng 1/2 suất thừa kế.

Chia cụ thể:

1. Cụ B chết di sản của Cụ để lại có giá trị 2.173.500.000 đồng chia làm 6 suất, mỗi kỉ phần được hưởng là: 2.173.500.000 : 6 = 362.250.000 đồng.

Công sức tôn tạo của vợ chồng Ông T và bà C được hưởng là:

362.250.000 đồng * 2/3= 241.500.000 đồng

Công sức tôn tạo cụ D được hưởng là 120.750.000 đồng

Phần tài sản chung của vợ chồng Ông T và bà C khi nhận di sản thừa kế và công sức tôn tạo là: 241.500.000 đồng + 362.250.000 đồng = 603.750.000 đồng.

2. Di sản của ông T để lại 603.750.000 đồng : 2 = 301.875.000 đồng chia cho 6 suất thừa kế mỗi suất được hưởng 50.312.500 đồng.

Phần tài sản của bà C có được sau khi tách làm đôi từ khối tài sản chung của vợ chồng có được từ việc nhận di sản và công sức tôn tạo di sản của cụ Vũ V.B là 301.875.000 đồng.

3. Khi cụ D chết di sản của cụ để lại: 120.750.000 đồng + 50.312.500 đồng + 2.173.500.000+ 362.250.000 đồng= 2.706.820.000 đồng.

Mỗi kỉ phần thừa kế của cụ D được hưởng là: 2.706.820.000 đồng:5 = 541.362.500 đồng.

Bà C được hưởng công sức tôn tạo có giá trị 541.362.500 đồng:2= 270.681.250 đồng.

Anh T được hưởng công sức tôn tạo có giá trị 270.681.250 đồng.

Anh T, chị H2, chị H1, chị H mỗi người được nhận giá trị di sản do thừa kế thế vị là 541.362.500 đồng : 4= 135.X0.625 đồng.

Bà Vũ T.M được nhận di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và Vũ T.Dlà: 362.250.000 đồng + 541.362.500 đồng = 903.612.500 đồng tương đương với 180,7m^2 đất.

Bà Vũ Thị L1 được nhận di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và Vũ T.Dlà : 362.250.000 đồng + 541.362.500 đồng 903.612.500 đồng tương đương với 180,7m^2 đất.

Bà Vũ Thị L được nhận di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và Vũ T.Dlà: 362.250.000 đồng + 541.362.500 đồng = 903.612.500 đồng tương đương với 180,7m^2 đất.

Bà Tạ Thị C được nhận giá trị công sức tôn tạo và quyền tài sản được tách ra trên khối tài sản này là: 270.681.250 đồng + 50.312.500 đồng + 301.875.000 đồng = 622.868.750 đồng tương đương với 124,5m^2 đất.

Chị Vũ Thị H được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này và nhận thừa kế thế vị là 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng = 185.653.125 đồng tương đương với 37,1m^2 đất.

Chị Vũ Thị H2 được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này và nhận thừa kế thế vị là 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng = 185.653.125 đồng tương đương với 37,1m^2 đất, chị H2 đã cho bà Tạ Thị C phần thừa kế này nên nhập diện tích này tài sản của bà C để lại

Chị Vũ Thị H1 được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này và nhận thừa kế thế vị là 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng = 185.653.125 đồng tương đương với 37,1m^2 đất.

Anh Vũ Văn T được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này, nhận thừa kế thế vị là và công sức tôn tạo 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng + 270.681.250 đồng = 456.3X.375 đồng tương đương với 91,2m^2 đất.

Chia thửa đất cụ thể như sau:

Thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 tại thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội đo vẽ năm 1993-1994 được đánh số tự nhiên tại các điểm gấp của thửa đất .

Sau khi đánh số thửa đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11,12,13,14,16,1.

Phần diện tích đất chia cụ thể cho từng người:

- Xác định mốc giới cho từng phần diện tích như sau:

Cách điểm 16 = 2m về phía đê, lấy 1 điểm đặt là điểm số 15 có khoảng cách 16-15= 2m.

Từ điểm số 15 kẻ một đường thẳng song song với cạnh 16-17-4 có độ dài 7,44m điểm cuối của đoạn này đặt điểm này là điểm số 19. Từ điểm số 19 kẻ một đưởng thẳng song song với tường phía mặt trước của ngôi nhà hai tầng do anh Vũ Văn T đang sử dụng trên đất có khoảng cách là 2,33m và có độ dài 12,86m điểm cuối của đoạn này đặt điểm này là số 18. Trên đoạn 6-9 cách điểm 6 có độ dài 4,49 m đặt điểm số 7. Nối điểm 7 với điểm 18. Độ dài 7- 8=12,63m.

Các điểm đã tạo như trên tạo thành sơ đồ phân chia thửa đất.

Phần diện tích đất chia cụ thể cho từng người:

1. Chia cho bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị L1 phần đất có diện tích 374.2 m2 được giới hạn bởi các điểm 7, 8, 9, 10, 11, 12 ,13, 14, 15, 19, 18, 7 và có độ dài của từng đoạn như sau: 7-8=10,40m; 8-9=3,37m; 9-10=18,77m;10-11=2,89m;11-12= 3,60m;12-13=6,56m;13-14= 3,50m;14-15= 12,92m; 15-19= 7.44m; 19-18=12,86m;18-7=12,63 m.

Bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị L1 mỗi người có quyền sử dụng 124,733m^2 đất.

Bà Vũ T.M thanh toán trả cho anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Thủy số tiền giá trị các công trình xây dựng trên đất được chia là 18.558.483 đồng.

Bà Vũ Thị L1 thanh toán trả cho anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Thủy số tiền giá trị các công trình xây dựng trên đất được chia là 18.558.483 đồng.

Bà Vũ Thị L thanh toán trả cho anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Thủy số tiền giá trị các công trình xây dựng trên đất được chia là 18.558.483 đồng.

Công trình nhà tạm đang sử dụng làm nơi thờ Thành Hoàng Làng, anh T không yêu cầu thanh toán công sức tôn tạo nên không giải quyết.

Bà M, bà L1, bà L có quyền sở hữu và sử dụng chung đối với các công trình xây dựng nằm trong phạm vi đất được chia.

Anh Vũ Văn T có trách nhiệm di chuyển toàn bộ cây cối hoa mầu ra khỏi phần đất chia cho các bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị L1 để bà M, bà L, bà L1 sử dụng đất theo qui định của pháp luật. Anh Tr, chị Thcó trách nhiệm di chuyển tài sản của mình ra khỏi phần diện tích đất đã chia cho bà M, bà L1, bà L.

2. Chia cho anh Vũ Văn T, chị Vũ Thị H, Vũ Thị H1 phần đất có diện tích 261,2 m2 trên phần đất này có ngôi nhà hai tầng được giới hạn bởi các điểm 16,17,4,5,6,7,18,19,15,16 và có độ dài của từng đoạn như sau: 16-17= 9,77m,17-4=13,66m; 4-5= 11,15m, 5- 6= 5,86m; 6-7= 4,49m,7-18= 12,63m; 18-19 = 12,86m, 19-15= 7,44m,15-16=2 m.

Ngôi nhà hai tầng có diện tích mỗi sàn là 80m2 nằm trong phạm vi đất được chia giao cho anh T quản lý. Khi nào chị Vũ Thị H1, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H có yêu cầu giải quyết phân chia giá trị tài sản ngôi nhà hai tầng sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Trong phần diện tích này anh Vũ Văn T được quyền sử dụng 187m^2; chị Vũ Thị H1 được sử dụng 37,1m^2; chị Vũ Thị H được sử dụng 37,1m^2. Anh T được

quyền sở hữu giá trị ngôi nhà tương ứng với tỉ lệ diện tích đất của anh T được chia và đã sử dụng để bồi hoàn và bồi thường cho ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M trong vụ kiện này vì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16.4.2012 bị tuyên bố vô hiệu. Anh T, chị H1, chị H tự mở lối đi cho phần đất được giao.

Anh Vũ Văn T thanh toán cho bà Vũ T.M 280.333.333 đồng, thanh toán cho bà Vũ Thị L1 số tiền 280.333.333 đồng, thanh toán cho bà Vũ Thị L số tiền 280.333.333 đồng là tiền trị quyền sử dụng đất do sử dụng phần đất vượt quá phần đất được hưởng thừa kế và công sức tôn tạo.

3. Chia cho bà Tạ Thị C toàn bộ 161,6m^2 đất bà C được hưởng và do chị Vũ Thị H2 cho lại phần di sản thừa kế của mình được nhận, do anh T, chị H, chị H2, chị H1 nhận thay (kế thừa quyền và nghĩa vụ) và một phần anh T được hưởng thừa kế và công sức tôn tạo với tổng diện tích là 2Xm^2; phần đất được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,17,16, 1 có kích thước cụ thể như sau: 1-2=9,54 m ; 2-3=13,45m; 3-4=10,13m; 4-17=13,66m; 17-16 = 9,77m; 16-1=10,08 m.

4. Giải quyết hậu quả của hợp đồng giữa bà Tạ Thị C, anh Vũ V.T với ông Nguyễn V.H bà Nguyễn Thị M kí ngày 16.4.2012 về việc chuyển nhượng 230m^2 thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 Bản đồ xã L đo vẽ năm 1993-1994, địa chỉ thửa đất thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đo vẽ năm 1993-1994 bị vô hiệu như sau:

Anh T, chị H, chị H2, chị H1 có nghĩa vụ bàn giao 2Xm^2 đất trong phạm vi được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,17,16,1 để bồi hoàn, bồi thường cho ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu. Việc bàn giao 2Xm^2 đất thay cho việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền 920.000.000 đồng và bồi thường 153.333.333 đồng để giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị tuyên bố vô hiệu.

Ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M thanh toán cho anh Nguyễn Văn T 97.000.000 đồng để được sử dụng thêm 19,4m^2 đất của anh Vũ Văn T được chia cũng nằm trong phạm vi được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,17,16,1.

Ông H và bà Mcó quyền kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 2Xm^2 đất này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 13/02/2018 bà Vũ T.M là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn bà M thống nhất trình bầy: Bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, không đúng với quy định của pháp luật. Quá trình sinh sống trên đất bà C và anh T không giữ gìn đất của cha ông để lại, tự ý bán đất cho vợ chồng anh H, chị Mai. Về công sức tôn tạo, gia đình bà C có đổ đất nhưng không nhiều như anh T trình bầy. Việc cấp sơ thẩm trích công sức cho bà C, ông T, anh T là không đúng quy định. Cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C, anh T và vợ chồng anh H vô hiệu là đúng quy định. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ

thẩm giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu giữa vợ chồng ông H và anh T là vượt quá yêu cầu của đương sự. Nếu anh T và vợ chồng ông H có yêu cầu thì hai bên tự giải quyết, không giao đất cho vợ chồng ông H như bản án sơ thẩm. Bản án sơ thẩm không buộc ông H trả lại đất để chia thừa kế là vi phạm Điều 137 BLDS, Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004. Vi phạm Điều 617, Điều 618 BLDS về nghĩa vụ và quyền của người quản lý di sản.

Bà M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng không trích công sức cho vợ chồng ông T và anh T. Chia đất tranh chấp làm 4 phần bằng nhau, mỗi phần có diện tích 217m^2. Phần đất có nhà bê tông giao anh T, ba bà con gái nhận phần đất còn lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V.H, bà Nguyễn Thị M trình bày: Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và đề nghị Tòa án cho ông bà được nhận phần đất đã nhận chuyển nhượng. Bản án sơ thẩm giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là phù hợp với thực tế sử dụng và nguyện vọng của ông và anh T. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn anh Vũ V.T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Thủy, chị H, chị Hà, chị Hường vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án công bố lời khai của anh T, chị Hường.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông H, bà M tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Xem xét kháng cáo của bà M về việc trích công sức nhận thấy: Cụ Bchết từ năm 1976. Vợ chồng bà C sống cùng cụ Dcho đến năm 2004 cụ Dchết. Vợ chồng bà C có công sức trong việc duy trì quản lý phần di sản của cụ Bvà trong nom chăm sóc cụ Dlúc tuổi già. Bà C, anh T là người trực tiếp quản lý sử dụng đất sau khi cụ Dchết nên cấp sơ thẩm trích công sức cho vợ chồng bà C và anh T là có căn cứ.

Về cách phân chia: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà M đề nghị chia di sản cho 3 chị em bà bằng hiện vật làm 3 phần bằng nhau hoặc chung một khối. Cấp sơ thẩm đã chia cho ba bà 374,2m^2. Phần đất ba bà được chia có tổng diện tích và các cạnh tứ cận đủ lớn, không méo, có phần giáp đường đi, không bị cản trở bởi phần đất giao cho bị đơn. Cách phân chia của cấp sơ thẩm là phù hợp. Kháng cáo của bà M về nội dung này là không có cơ sở.

Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tòa án xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H bà M với bà C, anh T vô hiệu là có căn cứ. Các bên tham gia giao kết đều biết diện tích đất chuyển nhượng không đủ điều kiện để chuyển nhượng nên cần xác định hai bên có lỗi như nhau. Tuy nhiên ông H bà M và anh T không có kháng cáo về nội dung này nên không xem xét. Từ khi nhận chuyển nhượng ông H bà M đã xây nhà tạm, tường bao trên phần đất nhận chuyển nhượng. Thực tế anh T không có điều kiện kinh tế bồi thường cho anh H nên cấp sơ thẩm đưa phần đất của bà C anh T được chia vào việc giải

quyết bồi hoàn cho ông H là phù hợp bảo đảm cho việc thi hành án. Các thừa kế của bà C cũng như ông H bà M không có kháng cáo về vấn đề này.

Cấp sơ thẩm tính toán giá trị tài sản trên đất giao cho nguyên đơn 55.675.449 đồng là chưa chính xác giá cần sửa lại là 61.776.730 đồng.

Về án phí: Tại cấp phúc thẩm bà M có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bà M theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm như phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Nguyên đơn bà M kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung: Sinh thời cụ Bvà cụ Dcó 04 người con chung là: Ông Vũ V.Tsinh năm 1941 đã chết ngày 12.11. 1996; bà Vũ T.M, sinh năm 1955; bà Vũ T.L, sinh năm 1945; bà Vũ T.L, sinh năm 1960. Hai cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Ông Vũ V.Tcó vợ Tạ Thị C sinh năm 1943, chết ngày 17.10.2017

Ông T và bà C có 4 người con: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977; chị Vũ Thị H2, sinh năm 1980; chị Vũ Thị H1, sinh năm 1982; anh Vũ Văn T, sinh năm 1984

Các đương sự đều thống nhất Cụ B mất khoảng năm 1976. Anh Vũ Văn T cung cấp cho Tòa án bia mộ của Cụ B ghi cụ Vũ V.B mất ngày 7.7.1976. Như vậy có căn cứ xác định cụ Vũ V.B mất vào năm 1976. Cụ Vũ T.D chết ngày 17.7.2004 (âm lịch, theo bia mộ ghi lại) tức ngày 1.9. 2004 dương lịch. Thời hiệu chia thừa kế của cụ B và cụ D vẫn còn.

Xác định diện và hàng thừa kế:

- Người được hưởng thừa kế của cụ Vũ V.B gồm: Cụ Vũ Thị D, ông Vũ Văn T, bà Vũ Thị L1, bà Vũ Thị L, bà Vũ T.M.

- Người được hưởng thừa kế của cụ D gồm: Bà Vũ Thị L1, bà Vũ Thị L, bà Vũ T.M; chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị H1 và anh Vũ Văn T

- Những người thừa kế của ông T gồm: Cụ Vũ Thị D, bà Tạ Thị C; chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị H1 và anh Vũ Văn T.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bà Vũ T.L chết: Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L là: Ông Nguyễn X.T, chồng bà L; các con bà L là: Chị Nguyễn T.Th, sinh năm 1967; anh Nguyễn T.D, sinh năm 1973; chị Nguyễn T.P; chị Nguyễn T.H.

Về di sản: UBND xã L cung cấp: Tại sổ dã ngoại lập kèm theo Bản đồ đo vẽ năm 1993-1994, thửa đất số 19 đo vẽ năm 1993-1994 mang tên ông Vũ Văn T, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận đất trên có nguồn gốc của cụ Vũ V.B và cụ Vũ T.Dđể lại.

Theo các tài liệu địa chính do UBND xã L và UBND huyện Gia Lâm cung cấp được gửi kèm theo công văn số 574/UBND-TN&MT ngày 21.4.2016 thì thửa đất do hai cụ sử dụng có diện tích là 810m^2. Tại bản trích sao bản đồ số 05/TS-VPĐKQSDĐ ngày 17.3.2015 của Văn phòng đăng kí quyền sử dụng đất cung cấp thì thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 Bản đồ xã L đo vẽ năm 1993-1994 có diện tích 903m^2. Tuy nhiên theo kiểm tra hiện trạng của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thì diện tích do bà C và anh T sử dụng có diện tích 869,4m^2. Tòa án đã xác minh tại UBND xã và các hộ liền kề thì không có tranh chấp về mốc giới, không có hành vi lấn chiếm ra đất công. Cấp sơ thẩm xác định 869,4m^2 đất tại số thửa 19 tờ bản đồ số 8 Bản đồ xã L là di sản của cụ Vũ V.B và cụ Vũ T.Dđể lại là có căn cứ.

Về di chúc: Cụ Dchết có để lại Biên bản họp gia đình phân chia đất ngày 07/9/2003. Biên bản họp gia đình phân chia đất ngày 7.9.2003 có nội dung: "*hôm nay ngày 7.9.2003 tức ngày 11.8 năm Quí Mùi, địa điểm tại nhà tôi thành phần tham dự Hội nghị gồm cụ Vũ T.Dchủ hộ, bà Tạ Thị C, bà Vũ Thị L, bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L1, cháu Vũ Thị H1, cháu Vũ Văn T đi làm vắng không có mặt ngoài ra còn hai cháu họ tôi tới dự Hội nghị. Hội nghị thống nhất nội dung sau: Toàn bộ diện tích đất ở là 810m^2 nay tách làm hai phần đất từ sân hắt về sau giáp nhà ông Cảnh, phần thứ hai từ sân hắt về đường làng. Phần thứ nhất để nguyên không thành viên nào được sở hữu, phần thứ hai chia thành 5 phần bằng nhau cụ Vũ T.Dđược, bà Tạ Thị C được, bà Vũ Thị L được, bà Vũ T.M được, bà Vũ Thị L1 được. Toàn bộ diện tích tách làm hai phần như trên nay tạm thời trao quyền cho bà Tạ Thị C là con dâu tôi trong nom, trồng hoa mầu phát triển kinh tế để tu sửa nhà cửa khi hỏng hóc, lo phục vụ tôi là cụ Vũ T.Dlúc ốm đau, lo khi giỗ, ngày tết hàng năm. Ngoài ra tuyệt đối cấm bà Tạ Thị C không được tự ý bán đất và tài sản cố định. Bà C phải đóng toàn bộ số thuế nhà nước phân bổ trên toàn bộ cả hai phần diện tích*". Văn bản đã được các thành phần nhất trí thông qua và kí tên điểm chỉ. Nội dung biên bản không đủ các điều kiện về nội dung và hình thức của di chúc theo quy định của pháp luật, không nêu rõ cụ thể diện tích của phần thứ nhất phần thứ hai, diện tích của từng phần chia, chỉ nêu là giao trông nom. Cấp sơ thẩm xác định Biên bản họp gia đình ngày 3/9/2003 không được coi là di chúc và chia thừa kế theo luật là đúng quy định.

Bà C trình bày, trước khi chết, cụ Dcó tuyên bố cho bà và các con của bà và ông T toàn bộ tài sản nhà đất. Đối với các con gái là bà L1, bà L, bà M đã đi lấy chồng thì không được gì. Tuy nhiên, bà C, anh T, chị H2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ. Bà M, bà L, bà L1 không thống nhất việc cụ Dđã cho tài sản nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C.

Cụ B và cụ D chết không để lại di chúc nên phân chia di sản theo quy định của pháp luật về thừa kế .

Ông T chết trước cụ Dnên phải xem xét phân chia di sản của ông T để lại cho các đầu thừa kế của mình trong đó có cụ Dtrong cùng vụ án. Bà C và các con của ông T bà C không cung cấp di chúc của ông T nên xác định ông T chết không để lại di chúc.

Bà L chết năm 2018, phần di sản của bà L được nhận sẽ do chồng và các con bà L được hưởng.

Trích công sức: Cấp sơ thẩm trích trả công sức tôn tạo cho vợ chồng ông Vũ Văn T, bà Tạ Thị C và cụ Vũ T.Dbằng một suất thừa kế do cụ B để lại. Trong đó, trích công sức tôn tạo của vợ chồng ông Vũ V.Tvà bà Tạ Thị C bằng 2/3 suất thừa kế, trích công sức tôn tạo cho cụ Vũ T.Dbằng 1/3 suất thừa kế.

Trích trả công sức tôn tạo cho bà Tạ Thị C và anh Vũ Văn T bằng một suất thừa kế do cụ D để lại. Trong đó, trích công sức tôn tạo cho bà Tạ Thị C bằng 1/2 suất thừa kế, trích công sức tôn tạo cho anh Vũ Văn T bằng 1/2 suất thừa kế.

Bà M kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm trích công sức cho ông T, bà C, anh T là không có căn cứ, bà C, anh T đã tự ý bán đất của các cụ, không giữ gìn di sản. Anh T khai quá trình sinh sống trên đất gia đình anh có công sức trong việc trông nom, giữ gìn, tôn tạo đất. Bà M khai có việc tôn tạo đất nhưng số lượng không nhiều như anh T khai (BL228). Nhận thấy, sau khi cụ Bchết năm 1976 cụ Dsinh sống cùng gia đình ông T, bà C. Năm 1996 ông T chết cụ Dvẫn ở cùng gia đình bà C, anh T; bà M cũng xác định gia đình anh T có tôn tạo đất. Như vậy ngoài việc tôn tạo đất gia đình ông T, bà C còn trực tiếp trông nom chăm sóc cụ Dvà thờ cúng hai cụ. Cấp sơ thẩm trích công sức cho ông T, bà C, anh T là có cơ sở.

Về cách phân chia di sản:

Giá trị quyền sử dụng 869,4m^2 đất theo biên bản định giá ngày 28.2.2017 trị di sản để lại là: 869,4 x 5.000.000 đồng = 4.X7.000.000 đồng, được chia làm hai phần bằng nhau Cụ B một phần, cụ D một phần.

Phân chia phần di sản của Cụ B:

Chia phần di sản của Cụ B làm 6 phần bằng nhau, trong đó 1 phần để trích trả công sức tôn tạo của ông Vũ Văn T, bà Tạ Thị C, cụ Vũ Thị D.

Trích trả công sức tôn tạo, bảo quản của vợ chồng ông Vũ V.Tvà bà Tạ Thị C bằng 2/3 suất thừa kế do Cụ B để lại. Cụ Dđược trích trả công sức tôn tại di sản thừa kế của Cụ B = 1/3 suất thừa kế.

Cụ B chết di sản của cụ B để lại có giá trị 2.173.500.000 đồng chia đều làm 6 suất thừa kế mỗi kỉ phần được hưởng là: 362.250.000 đồng.

Cụ Dụt, ông T, bà C mỗi người được hưởng 1/3 suất do có công tôn tạo, mỗi suất được hưởng là 120.750.000 đồng**.**

Ông T chết năm 1996, suất thừa kế của ông T và công sức tôn tạo có được từ việc phân chia di sản thừa kế của Cụ B là tài sản chung của vợ chồng Ông T và bà C. Phân chia suất thừa kế của ông T, công sức tôn tạo của ông T thành hai phần bằng nhau, một phần là di sản của ông Ty, một phần là tài sản của bà C.

Phần di sản của ông T được tách ra chia đều cho 6 suất thừa kế của ông T gồm cụ Dụt, bà C, chị H, chị H2, chị H1, anh T.

Phần di sản của cụ Dbao gồm phần tài sản của vợ chồng tách ra khi Cụ B chết, phần thừa kế cụ Dđược nhận từ di sản của ông T khi chết để lại và công sức tôn tạo. Di sản của cụ Dđược chia thành 5 phần bằng nhau trong đó 1 phần để

trích trả công sức tôn tại di sản của cụ Dcho bà C và anh T, mỗi người được ½ suất thừa kế.

Anh T, chị H1, chị H, chị H2 được nhận một suất thừa kế của cụ Dthay cho ông T.

Bà M, bà L, bà L1 mỗi người nhận một suất thừa kế của cụ Dụt.

Chia giá trị cụ thể như sau:

Tài sản chung của cụ Bcụ Dgiá trị 4.X7.000.000 đồng.Chia tài sản chung vợ chồng mỗi người được hưởng ½ bằng 2.173.500.000 đồng.

1. Di sản của cụ Bcó giá trị 2.173.500.000 đồng chia làm 6 suất , mỗi kỉ phần được hưởng là: 2.173.500.000 đồng : 6 = 362.250.000 đồng.

Công sức tôn tạo của vợ chồng Ông T và bà C được hưởng là:

362.250.000 đồng : 3 x 2= 241.500.000 đồng

Công sức tôn tạo cụ Dđược hưởng là 120.750.000 đồng

Phần tài sản chung của vợ chồng Ông T và bà C khi nhận di sản thừa kế và công sức tôn tạo là: 241.500.000 đồng + 362.250.000 đồng = 603.750.000 đồng.

2. Di sản của ông T để lại 603.750.000 đồng : 2= 301.875.000 đồng, chia cho 6 suất thừa kế mỗi suất được hưởng 50.312.500 đồng.

Phần tài sản của bà C có được sau khi tách làm đôi từ khối tài sản chung của vợ chồng có được từ việc nhận di sản và công sức tôn tạo di sản của cụ Vũ V.B là 301.875.000 đồng.

3. Khi cụ D chết di sản của cụ để lại:

120.750.000 đồng + 50.312.500 đồng + 2.173.500.000+ 362.250.000 đồng = 2.706.812.500 đồng.

Mỗi kỉ phần thừa kế của cụ D được hưởng là: 2.706.812.500 đồng:5 = 541.362.500 đồng.

Bà C được hưởng công sức tôn tạo có giá trị 541.362.500 đồng:2= 270.681.250 đồng.

Anh T được hưởng công sức tôn tạo có giá trị 270.681.250 đồng.

Anh T, chị H2, chị H1, chị H mỗi người được nhận giá trị di sản do thừa kế thế vị là 541.362.500 đồng : 4 = 135.X0.625 đồng.

Bà Vũ T.M được nhận di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và Vũ T.Dlà: 362.250.000 đồng + 541.362.500 đồng = 903.612.500 đồng tương đương với 180,7m^2 đất.

Bà Vũ Thị L1 được nhận di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và Vũ T.Dlà : 362.250.000 đồng + 541.362.500 đồng = 903.612.500 đồng tương đương với 180,7m^2 đất.

Bà Vũ Thị L được nhận di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và Vũ T.Dlà : 362.250.000 đồng + 541.362.500 đồng = 903.612.500 đồng tương đương với 180,7m^2 đất.

Bà Tạ Thị C được nhận giá trị công sức tôn tạo và quyền tài sản được tách ra trên khối tài sản này là: 270.681.250 đồng + 50.312.500 đồng + 301.875.000 đồng = 622.868.750 đồng tương đương với 124,5m^2 đất.

Chị Vũ Thị H được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này và nhận thừa kế thế vị là 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng = 185.653.125 đồng tương đương với 37,1m^2 đất.

Chị Vũ Thị H2 được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này và nhận thừa kế thế vị là 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng = 185.653.125 đồng tương đương với 37,1m^2, chị H2 đã cho bà Tạ Thị C phần thừa kế này nên nhập diện tích này tài sản của bà C để lại.

Chị Vũ Thị H1 được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này và nhận thừa kế thế vị là 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng = 185.653.125 đồng tương đương với 37,1m^2 đất.

Anh Vũ Văn T được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này, nhận thừa kế thế vị là và công sức tôn tạo 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng + 270.681.250 đồng = 456.3X.375 đồng tương đương với 91.2m^2 đất.

Về diện tích đất đã chuyển nhượng: Năm 2012, anh Vũ Văn T và bà Tạ Thị C đã chuyển nhượng 230m^2 đất cho ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M với giá 4.000.000đ/m^2, tổng số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 920.000.000 đồng. Diện tích thực tế ông H và bà Mđang sử dụng là 2Xm^2 và đã xây nhà, tường bao trên toàn bộ thửa đất đã nhận chuyển nhượng.

Xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tạ Thị C, anh Vũ V.T và vợ chồng ông Nguyễn V.H, bà Nguyễn Thị M:

Về hình thức*:* Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C anh T và ông H bà M không được công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 689 Bộ luật dân sự 2005.

Về nội dung: Diện tích đất các bên giao dịch có nguồn gốc là của cụ Bằng, cụ Dụt. Sau khi hai cụ chết sẽ trở thành là di sản thừa kế của các thừa kế của cụ Bcụ Dụt. Bà C, anh T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H, bà M là vi phạm Điều 128 Bộ luật dân sự 2005.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/6/2012 ký giữa bà C, anh T và ông H, bà M bị vô hiệu cả về hình thức và nội dung. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Vũ T.M về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C, anh T, ông H, bà Mvô hiệu là có căn cứ. Tại cấp sơ thẩm ngoài yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C, anh T và ông H, bà M là vô hiệu, bà M còn yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ông H bà M trả lại đất đã nhận chuyển nhượng. Cấp sơ thẩm giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu theo hướng xác định giá trị di sản là 869,2m^2 đất để chia thừa kế. Ông H, bà M có yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu theo hướng cho ông bà được nhận phần diện tích đã chuyển nhượng. Anh T có nguyện vọng bán đất cho ông H. Như vậy cấp sơ thẩm giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là phù hợp với quy định.

Giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu: Giá trị quyền sử dụng đất bà C, anh T và ông H, bà M giao dịch là 4.000.000 đồng/m^2. Giá trị quyền sử dụng đất

do được Hội đồng định giá xác định là 5.000.000 đồng/m^2. Như vậy khoản chênh lệch tăng thêm là 230m^2 x 1.000.000 đồng = 230.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 137 Bộ luật dân sự 2005, Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì khi giao dịch dân sự vô hiệu các bên khôi phục tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả. Bên nào có lỗi thì phải bồi thường.

Xác định lỗi trong việc làm cho hợp đồng chuyển nhượng bị vô hiệu.

Ông H và bà Mxác định mình cũng có lỗi trong việc nhận chuyển nhượng. Bà C, anh T biết rõ đất chuyển nhượng là di sản thừa kế không được chuyển nhượng nhưng vẫn ký hợp đồng chuyển nhượng, vì vậy xác định mỗi bên chịu 1/2 lỗi. Cấp sơ thẩm xác định bà C, anh T chịu 2/3 lỗi; ông H và bà Mcó 1/3 lỗi nhưng anh T, ông H không kháng cáo nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do vậy, anh T và bà C phải bồi thường giá trị là 153.333.333 đồng.

Qua kiểm tra hiện trạng thực tế diện tích ông H và bà Mđang quản lý sử dụng có diện tích là 2Xm^2. Ông H và bà Mđã xây dựng nhà tạm, tường bao trên toàn bộ diện tích đất.

Về việc hoàn lại số tiền đã nhận do chuyển nhượng: Bà C và anh T phải có trách nhiệm bồi hoàn số tiền đã nhận để chuyển nhượng đất, bồi thường giá trị chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất và giá trị công trình đã đầu tư trên đất nhận chuyển nhượng. Ông H và bà Mphải hoàn trả lại đất để đưa vào phân chia thừa kế. Nay bà C đã chết thì các thừa kế của bà C phải bồi hoàn và bồi thường trong phạm vi tài sản do bà C được nhận khi giải quyết vụ kiện này.

Tuy nhiên, bà C, anh T khai toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng đất anh T và bà C đã sử dụng vào việc đầu tư xây dựng nhà ở hiện nay đang nằm trên thửa đất. Anh T được hưởng giá trị di sản quy ra đất là 91,2 m^2. Bà C được hưởng giá trị di sản quy ra đất 124,5m^2 và nhận của chị H2 giá trị di sản quy ra đất là 37,1m^2. Diện tích đất của bà C, anh T được nhận đủ với diện tích đã chuyển nhượng cho ông H và bà M. Anh T không có đủ kinh tế để bồi hoàn cho ông H và bà M, còn bà C đã chết, chị H1 và chị H vắng mặt tại địa pH không biết khi nào về. Để bảo đảm cho việc thi hành án cấp sơ thẩm đã chia cho bà C, anh T, chị H2 được hưởng bằng quyền sử dụng đất vào vị trí đất đã chuyển nhượng cho ông H và bà Mvà đưa diện tích đất này vào giải quyết việc bồi hoàn và bồi thường cho ông H và bà Mbằng hiện vật là đất là phù hợp. Vì vậy, giao toàn bộ diện tích bà C được hưởng và một phần diện tích đất của anh Vũ Văn T được hưởng thừa kế cho ông H và bà Msử dụng. Số tiền anh T và bà C phải bồi hoàn và bồi thường là 1.073.333.333 đồng tương đương với 214,6m^2. Do ông H và bà Mđã xây dựng tường bao ngăn đất nhưng lại xây dựng vượt quá diện tích nhận chuyển nhượng, được bồi hoàn. Để việc sử dụng đất của ông H và bà Mthuận tiện giao nốt 19,4m^2 đất thuộc giá trị di sản của anh T được nhận cho ông H và bà M. Ông H và bà Mphải thanh toán giá trị quyền sử dụng của 19,4m^2 đất này cho anh T.

Khi thanh toán xong các nghĩa vụ của mình, ông H và bà Mcó quyền làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền.

Cấp sơ thẩm đã chia cho bà Mùi, bà L, bà Là 374,2m^2. Số diện tích đất còn thiếu so với kỷ phần thừa kế bà M, bà L, bà L1 được nhận thì anh Vũ Văn T có trách nhiệm thanh toán. Bà M, bà L1, bà L có trách nhiệm thanh toán cho anh Vũ Văn T giá trị công trình xây dựng trên đất được chia gồm toàn bộ tường bao quanh phần đất được chia, phần sân lát gạch, công trình nhà tạm, cổng. Chia cho anh Vũ Văn T, chị Vũ Thị H1, Vũ Thị H diện tích 261,2m^2; chia cho anh Vũ Văn T và bà Tạ Thị C (do anh T, chị H1, chị H, chị H2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C) nhận phần đất có diện tích 2Xm^2.

Anh Tr, chị Thcó nghĩa vụ di chuyển tài sản của mình ra khỏi phần đất, nhà tạm đang sử dụng để bàn giao cho bà M, bà L1, bà L.

Theo trình bày của bà C, anh T dùng tiền chuyển nhượng 230m^2 đất để đầu tư xây dựng nhà 2 tầng hiện nay đang ở. Mặt khác, bà C chết trước khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H1 và chị H không rõ nơi cư trú nên di sản là một phần ngôi nhà hai tầng của bà C không giải quyết trong vụ án này mà giao cho anh T quản lý cùng với phần thừa kế chị H1 và chị H được nhận, sau này khi họ trở về có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Tại cấp sơ thẩm, bà M là đại diện theo ủy quyền của bà L, bà Là trình bày nguyện vọng chia thừa kế vào chung một khối để ba bà sử dụng, không chia tách bạch ra (BL 388). Tại cấp phúc thẩm, bà L chết có để lại chúc thư. Chúc thư của bà L có nội dung: *"Số đất mà tôi được chia sẽ giao cho em gái tôi là Vũ T.M quản lý và xây dựng ngôi nhà để thờ cúng cha mẹ và lấy chỗ cho các em tôi đi về trông nom mồ mả, thắp H cho các cụ đồng thời để các con tôi luôn hướng về cội nguồn tổ tiên"*. Như vậy bà L cũng có nguyện vọng giao đất được chia cho bà M làm nơi thờ cúng chung, không phân chia.

Do đó việc phân chia di sản của cấp sơ thẩm là phù hợp. Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà M về việc chia di sản làm 4 phần bằng nhau.

Chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

1. Giao bà M, bà Là, các thừa kế của bà L sử dụng 374,2m^2 đất tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội có giá trị 1.871.000.000đ được giới hạn bởi các điểm 7, 8, 9, 10, 11, 12 ,13, 14, 15, 19, 18, 7 và có độ dài của từng đoạn như sau: 7-8=10,40m; 8-9=3,37m; 9-10=18,77m;10-11=2,89m;11-12= 3,60m;12-13=6,56m;13-14= 3,50m;14-15= 12,92m; 15-19= 7.44m; 19-18=12,86m;18-7=12,63m.

Bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L1, bà Vũ Thị L (nay là các thừa kế của bà Vũ Thị L) mỗi người có quyền sử dụng 124,733m^2 đất.

Trên đất có tường bao quanh phần đất được chia (X.876.730đ), phần sân lát gạch (1.768.000đ); công trình nhà tạm (23.625.000đ); cổng (1.125.000đ+1.554.000đ) do anh T chị Thủy xây dựng có tổng giá trị: 61.776.730đ. Cấp sơ thẩm xác định giá trị tài sản trên đất là 55.675.449đ là chưa

chính xác cần sửa lại. Bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L1, bà Vũ Thị L mỗi người phải thanh toán trả cho anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Thủy số tiền giá trị các công trình xây dựng trên đất được chia là 20.592.243 đồng.

Công trình nhà tạm đang sử dụng làm nơi thờ Thành Hoàng Làng, anh T không yêu cầu thanh toán công sức tôn tạo nên không xem xét.

Bà M, bà L1 và các thừa kế của bà L có quyền sở hữu và sử dụng chung đối với các công trình xây dựng nằm trong phạm vi đất được chia.

Anh Vũ Văn T có trách nhiệm di chuyển toàn bộ cây cối hoa mầu ra khỏi phần đất chia cho các bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị L1 để bà M, bà L, bà L1 sử dụng đất theo qui định của pháp luật. Anh Tr, chị Thcó trách nhiệm di chuyển tài sản của mình ra khỏi phần diện tích đất đã chia cho bà M, bà L1, bà L.

Anh Vũ Văn T phải thanh toán cho bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L1, bà Vũ Thị L (nay là các thừa kế của bà L) mỗi người 279.945.833đ là tiền giá trị quyền sử dụng đất do sử dụng phần đất vượt quá phần đất được hưởng thừa kế và công sức tôn tạo.

2. Giao anh Vũ Văn T, chị Vũ Thị H, Vũ Thị H1 phần đất có diện tích 261,2m^2 tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm 16,17,4,5,6,7,18,19,15,16 và có độ dài của từng đoạn như sau:16-17= 9,77m,17-4=13,66m; 4-5= 11,15m, 5- 6= 5,86m; 6-7= 4,49m,7-18= 12,63m; 18-19 = 12,86m, 19-15= 7,44m,15-16=2m.

Trên đất có ngôi nhà hai tầng có diện tích mỗi sàn là 80m^2 nằm trong phạm vi đất được chia giao cho anh T quản lý. Khi nào chị Vũ Thị H1, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H có yêu cầu giải quyết phân chia giá trị tài sản ngôi nhà hai tầng sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Trong phần diện tích này anh Vũ Văn T được quyền sử dụng 187m^2; chị Vũ Thị H1 được sử dụng 37,1m^2; chị Vũ Thị H được sử dụng 37,1m^2. Anh T được quyền sở hữu giá trị ngôi nhà tương ứng với tỉ lệ diện tích đất của anh T được chia và đã sử dụng để bồi hoàn và bồi thường cho ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M trong vụ kiện này vì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/4/2012 bị tuyên bố vô hiệu. Anh T, chị H1, chị H tự mở lối đi cho phần đất được giao.

3. Giao bà Tạ Thị C toàn bộ 161,6m^2 đất bà C được hưởng và do chị Vũ Thị H2 cho lại phần di sản thừa kế của mình được nhận, do anh T, chị H, chị H2, chị H1 nhận thay (kế thừa quyền và nghĩa vụ) và một phần anh T được hưởng thừa kế và công sức tôn tạo với tổng diện tích là 2Xm^2 tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội; phần đất được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,17,16, 1 có kích thước cụ thể như sau: 1-2=9,54 m ; 2-3=13,45m; 3-4=10,13m; 4-17=13,66m; 17-16 = 9,77m; 16-1=10,08m.

4. Giải quyết hậu quả của hợp đồng giữa bà Tạ Thị C, anh Vũ V.T với ông Nguyễn V.H bà Nguyễn Thị M kí ngày 16/4/2012 về việc chuyển nhượng 230m^2 thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội bị vô hiệu như sau:

Anh T, chị H, chị H2, chị H1 có nghĩa vụ bàn giao 2Xm^2 đất tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội trong phạm vi được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,17,16, 1 để bồi hoàn, bồi thường cho ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu. Việc bàn giao 2Xm^2 đất thay cho việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền 920.000.000 đồng và bồi thường 153.333.333 đồng để giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị tuyên bố vô hiệu.

Ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M thanh toán cho anh Nguyễn Văn T 97.000.000 đồng để được sử dụng thêm 19,4m^2 đất của anh Vũ Văn T được chia cũng nằm trong phạm vi được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,17,16, 1.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án (có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo Bản án).

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà M.

Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, người kháng cáo là nguyên đơn bà M không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại dự phí đã nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí tòa án, các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được hưởng. Theo đó bà Vũ T.M, Vũ Thị L, Vũ Thị L1 mỗi người phải chịu 39.108.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bản án sơ thẩm xác định mỗi bà phải chịu 24.144.480 đồng là không chính xác, cần sửa án sơ thẩm về án phí.

- Anh Vũ Văn T, chị Vũ Thị H1, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H2 phải chịu thay cho bà Tạ Thị C số tiền án phí dân sự sơ thẩm do kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Tạ Thị C.

- Anh Vũ Văn T phải chịu 22.253.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm do được chia tài sản thừa kế và 7.228.687 đồng án phí dân sự do kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Tạ Thị C.

- Chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị H1 mỗi người phải chịu 9.282.656 đồng án phí dân sự sơ thẩm do được chia tài sản thừa kế và 7.228.687 đồng án phí dân sự do kế thừa quyền và nghĩa vụ bà Tạ Thị C.

Ông Nguyễn V.H, Bà Nguyễn Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và 4.850.000 đồng án phí dân sự.

Bà Vũ T.M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 về mức thu, miễn ,giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà M, bà M được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp 3.737.500 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2010/0001766 ngày 23.1.2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Vì các lẽ trên: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 13/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 614, Điều 615, Điều 623, Điều 658, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 128, khoản 2 Điều 136; khoản 1, khoản 2 Điều 137, Điều 642, Điều 645, Điều 649, Điều 650, Điều 653, Điều 675, Điều 676, Điều 677 Điều 698, Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 645, Điều 677, Điều 678, Điều 679, Bộ luật dân sự năm 1995;

Luật đất đai năm 2003, Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ T.M về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là 869,4m^2 đất mang số thửa 19 tờ bản đồ số 8 Bản đồ xã L, đo vẽ năm 1993-1994, địa chỉ thửa đất thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tạ Thị C, anh Vũ V.T với ông Nguyễn V.H, bà Nguyễn Thị M kí ngày 16/4/2012.

2. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tạ Thị C, anh Vũ V.T với ông Nguyễn V.H bà Nguyễn Thị M kí ngày 16/4/2012 về việc chuyển nhượng 230m^2 thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội bị vô hiệu.

3. Xác định 869,4m^2 đất tại thửa đất số thửa 19 tờ bản đồ số 8 Bản đồ xã L, đo vẽ năm 1993-1994, địa chỉ thửa đất thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và cụ Vũ Thị D.

4. Xác định diện và hàng thừa kế:

Cụ Vũ V.B và cụ Vũ T.Dchết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được phân chia theo quy định của pháp luật.

4.1. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ V.B gồm:

4.1.1. Cụ Vũ Thị D, sinh năm 1918, chết ngày 1.9.2004 (dương lịch)

4.1 2. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1941 đã chết ngày 12.11.1996

4.1 3. Bà Vũ T.M, sinh năm 1955

4.1.4. Bà Vũ T.L, sinh năm 1945 đã chết ngày 28/5/2018

4.1.5. Bà Vũ T.L, sinh năm 1960

4.2. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ V.Tgồm:

4.2.1. Cụ Vũ Thị D, sinh năm 1918, chết năm 2004

4.2.2. Bà Tạ Thị C, sinh năm 1943, chết ngày 7.10.2017

4.2.3. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977

4.2.4. Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1980

4.2. 5. Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1982

4.2. 6. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984

4.3. Hàng thừa kế thứ nhất của Cụ Vũ T.Dgồm:

4.3.1. Ông Vũ V.T(ông T chết trước cụ Dnên chị Vũ Thị H, sinh năm 1977, chị Vũ Thị H2, sinh năm 1980, chị Vũ Thị H1, sinh năm 1982, anh Vũ Văn T, sinh năm 1984 là người thừa kế thế vị).

4.3. 2. Bà Vũ T.M, sinh năm 1955

4.3. 3. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1945

4.3. 4. Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1960

Bà Vũ T.L, sinh năm 1945 đã chết ngày 28/5/2018: Hàng thừa kế thứ nhất của bà L là ông Nguyễn X.T chồng bà L; các con bà L là: Anh Nguyễn T.D; chị Nguyễn T.P; chị Nguyễn T.H; chị Nguyễn T.Th.

Về di sản phân chia:

- Di sản của cụ Vũ Văn Bằng và cụ Vũ Thị Dụt là quyền sử dụng 869,4m^2 đất thuộc thửa số 19 tờ bản đồ số 8 Bản đồ xã L đo vẽ năm 1993-1994, địa chỉ thửa đất Thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội có giá trị: 869,4m^2 x 5.000.000 đồng/m^2 = 4.X7.000.000 đồng.

- Trích trả công sức tôn tạo cho vợ chồng ông Vũ Văn T, bà Tạ Thị C và cụ Vũ T.Dbằng một suất thừa kế do cụ B để lại để lại. Trong đó, trích công sức tôn tạo của vợ chồng ông Vũ V.Tvà bà Tạ Thị C bằng 2/3 suất thừa kế, trích công sức tôn tạo cho cụ Vũ T.Dbằng 1/3 suất thừa kế.

Trích trả công sức tôn tạo cho bà Tạ Thị C và anh Vũ Văn T bằng một suất thừa kế do cụ D để lại. Trong đó, trích công sức tôn tạo cho bà Tạ Thị C bằng 1/2 suất thừa kế, trích công sức tôn tạo cho anh Vũ Văn T bằng 1/2 suất thừa kế.

Chia bằng giá trị cụ thể như sau:

Tài sản chung của cụ Bcụ Dgiá trị 4.X7.000.000 đồng. Chia tài sản chung vợ chồng mỗi người được hưởng ½ bằng 2.173.500.000 đồng.

1. Di sản của cụ Bcó giá trị 2.173.500.000 đồng chia làm 6 suất , mỗi kỉ phần được hưởng là: 2.173.500.000 : 6 = 362.250.000 đồng.

Công sức tôn tạo của vợ chồng Ông T và bà C được hưởng là: 362.250.000 đồng : 3x 2= 241.500.000 đồng.

Công sức tôn tạo cụ Dđược hưởng là 120.750.000 đồng.

Phần tài sản chung của vợ chồng Ông T và bà C khi nhận di sản thừa kế và công sức tôn tạo là: 241.500.000 đồng + 362.250.000 đồng = 603.750.000 đồng.

2. Di sản của ông T để lại 603.750.000 đồng : 2= 301.875.000 đồng, chia cho 6 suất thừa kế mỗi suất được hưởng 50.312.500 đồng.

Phần tài sản của bà C có được sau khi tách làm đôi từ khối tài sản chung của vợ chồng có được từ việc nhận di sản và công sức tôn tạo di sản của cụ Vũ V.B là 301.875.000 đồng.

3. Di sản của cụ Dđể lại:

120.750.000 đồng + 50.312.500 đồng + 2.173.500.000+ 362.250.000 đồng = 2.706.812.500 đồng.

Mỗi kỉ phần thừa kế của cụ D được hưởng là: 2.706.812.500 đồng:5 = 541.362.500 đồng.

Bà C được hưởng công sức tôn tạo có giá trị 541.362.500 đồng:2= 270.681.250 đồng.

Anh T được hưởng công sức tôn tạo có giá trị 270.681.250 đồng.

Anh T, chị H2, chị H1, chị H mỗi người được nhận giá trị di sản do thừa kế thế vị là 541.362.500 đồng : 4 = 135.X0.625 đồng.

Bà Vũ T.M được nhận di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và Vũ T.Dlà: 362.250.000 đồng + 541.362.500 đồng = 903.612.500 đồng tương đương với 180,7m^2 đất.

Bà Vũ Thị L1 được nhận di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và Vũ T.Dlà : 362.250.000 đồng + 541.362.500 đồng = 903.612.500 đồng tương đương với 180,7m^2 đất.

Bà Vũ Thị L được nhận di sản thừa kế của cụ Vũ V.B và Vũ T.Dlà : 362.250.000 đồng + 541.362.500 đồng = 903.612.500 đồng tương đương với 180,7m^2 đất.

Bà Tạ Thị C được nhận giá trị công sức tôn tạo và quyền tài sản được tách ra trên khối tài sản này là: 270.681.250 đồng + 50.312.500 đồng + 301.875.000 đồng = 622.868.750 đồng tương đương với 124,5m^2 đất.

Chị Vũ Thị H được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này và nhận thừa kế thế vị là 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng = 185.653.125 đồng tương đương với 37,1m^2 đất.

Chị Vũ Thị H2 được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này và nhận thừa kế thế vị là 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng = 185.653.125 đồng tương đương với 37,1m^2, chị H2 đã cho bà Tạ Thị C phần thừa kế này nên nhập diện tích này tài sản của bà C để lại.

Chị Vũ Thị H1 được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này và nhận thừa kế thế vị là 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng = 185.653.125 đồng tương đương với 37,1m^2 đất.

Anh Vũ Văn T được nhận giá trị thừa kế do ông Vũ V.Tđể lại trên khối tài sản này, nhận thừa kế thế vị là và công sức tôn tạo 135.X0.625 đồng + 50.312.500 đồng + 270.681.250 đồng = 456.3X.375 đồng tương đương với 91.2m^2 đất.

Chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

1. Giao bà Vũ T.M, bà Vũ T.L (nay là ông Nguyễn X.T, anh Nguyễn T.D, chị Nguyễn T.P, chị Nguyễn T.H, chị Nguyễn T.Th), bà Vũ T.L sử dụng 374,2m^2 đất tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội có giá trị 1.871.000.000đ được giới hạn bởi các điểm 7, 8, 9, 10, 11, 12 ,13, 14, 15, 19, 18, 7 và có độ dài của từng đoạn như sau: 7-8=10,40m; 8-9=3,37m; 9-

10=18,77m;10-11=2,89m;11-12= 3,60m;12-13=6,56m;13-14= 3,50m;14-15= 12,92m; 15-19= 7.44m; 19-18=12,86m;18-7=12,63m.

Bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị L1 mỗi người có quyền sử dụng 124,733 m^2 đất.

Trên đất có tường bao quanh phần đất được chia, phần sân lát gạch, công trình nhà tạm, cổng do anh T chị Thủy xây dựng có tổng giá trị: 61.776.730 đồng.

Bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L1, bà Vũ Thị L (nay là ông Nguyễn X.T, anh Nguyễn T.D, chị Nguyễn T.P, chị Nguyễn T.H, chị Nguyễn T.Th), mỗi người phải thanh toán trả cho anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Thủy số tiền giá trị các công trình xây dựng trên đất được chia là 20.592.243 đồng.

Công trình nhà tạm đang sử dụng làm nơi thờ Thành Hoàng Làng, anh T không yêu cầu thanh toán công sức tôn tạo nên không xem xét.

Bà M, bà L1, các thừa kế của bà L có quyền sở hữu và sử dụng chung đối với các công trình xây dựng nằm trong phạm vi đất được chia.

Anh Vũ Văn T có trách nhiệm di chuyển toàn bộ cây cối hoa mầu ra khỏi phần đất chia cho các bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị L1 để bà M, bà Là và các thừa kế của bà L sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Anh Tr, chị Thcó trách nhiệm di chuyển tài sản của mình ra khỏi phần diện tích đất đã chia cho bà M, bà L1, bà L.

Anh Vũ Văn T phải thanh toán cho bà Vũ T.M, bà Vũ Thị L1, bà Vũ Thị L (nay là ông Nguyễn X.T, anh Nguyễn T.D, chị Nguyễn T.P, chị Nguyễn T.H, chị Nguyễn T.Th) mỗi người 279.945.833 đồng là tiền trị quyền sử dụng đất do sử dụng phần đất vượt quá phần đất được hưởng thừa kế và công sức tôn tạo.

2. Giao anh Vũ Văn T, chị Vũ Thị H, Vũ Thị H1 phần đất có diện tích 261,2m^2 tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm 16,17,4,5,6,7,18,19,15,16 và có độ dài của từng đoạn như sau:16-17= 9,77m,17-4=13,66m; 4-5= 11,15m, 5- 6= 5,86m; 6-7= 4,49m,7-18= 12,63m; 18-19 = 12,86m, 19-15= 7,44m,15-16=2m.

Trên đất có ngôi nhà hai tầng có diện tích mỗi sàn là 80m^2 nằm trong phạm vi đất được chia giao cho anh T quản lý. Khi nào chị Vũ Thị H1, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị Hường có yêu cầu giải quyết phân chia giá trị tài sản ngôi nhà hai tầng sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Trong phần diện tích này anh Vũ Văn T được quyền sử dụng 187m^2; chị Vũ Thị H1 được sử dụng 37,1m^2; chị Vũ Thị H được sử dụng 37,1m^2. Anh T được quyền sở hữu giá trị ngôi nhà tương ứng với tỉ lệ diện tích đất của anh T được chia và đã sử dụng để bồi hoàn và bồi thường cho ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M trong vụ kiện này vì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/4/2012 bị tuyên bố vô hiệu. Anh T, chị H1, chị H tự mở lối đi cho phần đất được giao.

3. Giao bà Tạ Thị C toàn bộ 161,1m^2 đất bà C được hưởng và do chị Vũ Thị H2 cho lại phần di sản thừa kế của mình được nhận, do anh T, chị H, chị H2, chị H1 nhận thay (kế thừa quyền và nghĩa vụ) và một phần anh T được

hưởng thừa kế và công sức tôn tạo với tổng diện tích là 2Xm^2 tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội; phần đất được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,17,16, 1 có kích thước cụ thể như sau: 1-2=9,54 m ; 2-3=13,45m; 3-4=10,13m; 4-17=13,66m; 17-16 = 9,77m; 16-1=10,08m.

4.Giải quyết hậu quả của hợp đồng giữa bà Tạ Thị C, anh Vũ V.T với ông Nguyễn V.H bà Nguyễn Thị M kí ngày 16.4.2012 về việc chuyển nhượng 230m^2 thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 Bản đồ xã L đo vẽ năm 1993-1994, địa chỉ thửa đất thôn C, xã L, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đo vẽ năm 1993-1994 bị vô hiệu như sau:

Anh T, chị H, chị H2, chị H1 có nghĩa vụ bàn giao 2Xm^2 đất tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 8 thôn C, xã L, Gia Lâm, Hà Nội trong phạm vi được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,17,16, 1 để bồi hoàn, bồi thường cho ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu. Việc bàn giao 2Xm^2 đất thay cho việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền 920.000.000 đồng và bồi thường 153.333.333 đồng để giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị tuyên bố vô hiệu.

Ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Thị M thanh toán cho anh Nguyễn Văn T 97.000.000 đồng để được sử dụng thêm 19,4m^2 đất của anh Vũ Văn T được chia cũng nằm trong phạm vi được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,17,16,1.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án. Sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo Bản án.

Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà M không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng dự phí đã nộp tại Biên lai thu dự phí số 000X69 ngày 26/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị L1, bà Vũ Thị L mỗi người phải chịu 39.108.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do bà L chết, án phí của bà L sẽ do ông Nguyễn X.T, anh Nguyễn T.D, chị Nguyễn T.P, chị Nguyễn T.H, chị Nguyễn T.Th liên đới chịu trách nhiệm.

Anh Vũ Văn T phải chịu 22.253.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm do được chia tài sản thừa kế và 7.628.687 đồng án phí dân sự do kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Tạ Thị C.

Chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị H1 mỗi người phải chịu 9.282.656 đồng án phí dân sự sơ thẩm do được chia tài sản thừa kế và 7.628.687 đồng án phí dân sự do kế thừa quyền và nghĩa vụ bà Tạ Thị C.

Ông Nguyễn V.H, bà Nguyễn Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và 4.850.000 đồng án phí dân sự.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ T.M, bà M được nhận lại 3.737.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2010/0001766 ngày 23.1.2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh